

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 44/2022/HS-ST
Ngày 07-6-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy;

Thẩm phán: Ông Chu Long Kiêm;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tuấn Tú;

Ông Lã Xuân Trường;

Bà Vi Thị Thùy;

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tuấn Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2022 đối với:

- ***Bị cáo:*** Nguyễn Văn C, sinh ngày 11-6-1975 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C1 và bà Vũ Thị S (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị B sinh năm 1976 và có 03 con sinh năm 1999, 2008, 2019; tiền án: Bản án số 38/HS-ST ngày 28-8-1999 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 48 tháng tù về tội Cướp tài sản của công dân (chưa được xóa án tích); tiền sự: Không có; nhân thân: Bản án số 08/HS-ST ngày 14-8-2002 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo về tội Trốn khỏi nơi giam (đã được xóa án tích); chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-11-2021 cho đến nay; có mặt.

- ***Người bào chữa cho bị cáo:*** Ông Bế Quang H, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm T tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- ***Bị hại:*** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972 (đã chết);

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

1. Ông Nguyễn Công K, sinh năm 1946; vắng mặt.
2. Bà Lê Thị M, sinh năm 1951; có mặt.
3. Ông Vũ Văn T, sinh năm 1971; vắng mặt.
4. Anh Vũ Mạnh T, sinh năm 2001; có mặt.
5. Chị Vũ Thị Phương T, sinh năm 1993; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Công K, bà Lê Thị M, ông Vũ Văn T, anh Vũ Mạnh T: Chị Vũ Thị Phương T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (theo văn bản ủy quyền ngày 26-5-2022); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người làm chứng:*

Chị Âu Thị S, sinh năm 1989; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị L làm nghề thu mua gà tại địa bàn xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nên có quen biết Nguyễn Văn C do từng mua gà của Nguyễn Văn C.

Khoảng 05 giờ ngày 22-11-2021, chị Nguyễn Thị L có đem theo một số tiền và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 12H1 - 033.88 đi từ nhà đến xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn để thu mua gà. Sau khi mua của chị Âu Thị S 01 con gà trống và 02 con gà mái với tổng số tiền là 710.000 đồng; chị Nguyễn Thị L gọi điện cho Nguyễn Văn C hỏi mua gà. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, chị Nguyễn Thị L điều khiển xe mô tô đi đến ngã ba đường liên thôn thuộc Thôn B, xã Q, huyện H gặp Nguyễn Văn C như đã hẹn.

Khi gặp Nguyễn Văn C nhưng không thấy Nguyễn Văn C có gà, chị Nguyễn Thị L cho rằng Nguyễn Văn C đã bán gà cho người khác nên cả hai phát sinh mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Chị Nguyễn Thị L dọa sẽ trình báo Công an việc Nguyễn Văn C đi trộm cắp gà nên Nguyễn Văn C dùng tay phải tát một phát vào má trái của chị Nguyễn Thị L; chị Nguyễn Thị L lao vào dùng tay tát nhiều phát trúng vào vùng mặt của Nguyễn Văn C. Nguyễn Văn C dùng tay trái đẩy chị Nguyễn Thị L ngã ngửa xuống đường rồi ngồi đè lên bụng của chị Nguyễn Thị L, dùng tay phải bịt mồm, tay trái bóp siết cổ chị Nguyễn Thị L khoảng 03 phút thì thấy chị Nguyễn Thị L nằm yên bất tỉnh, không còn thở và có dịch từ miệng chảy ra. Nghĩ rằng chị Nguyễn Thị L đã chết nên Nguyễn Văn

C buông tay ra rồi bê xác chị Nguyễn Thị L đi vào để tại khu đất dưới chân núi H.

Sau đó, Nguyễn Văn C quay ra điều khiển chiếc xe mô tô của chị Nguyễn Thị L đi vào đồ ở gần chân núi H rồi lục lọi, tìm kiếm tiền, tài sản trên người chị Nguyễn Thị L thì thấy có 01 túi ni lon bên trong có tiền và 01 chiếc điện thoại di động. Nguyễn Văn C lấy toàn bộ số tiền cho vào túi quần (không kiểm đếm) và vứt chiếc điện thoại di động vào bụi rậm rồi tiếp tục bê xác chị Nguyễn Thị L giấu vào trong khe núi H; chặt cành cây che phủ lên trên xác của chị Nguyễn Thị L; bắt 03 con gà của chị Nguyễn Thị L và bỏ vào trong ba lô rồi tháo lồng gà, giá để hàng, dây chun, vải lót trên xe mô tô, mũ bảo hiểm của chị Nguyễn Thị L vứt rải rác trong các bụi rậm khu vực chân núi H rồi điều khiển xe mô tô của chị Nguyễn Thị L về nhà.

Khi về đến nhà, Nguyễn Văn C bảo vợ là chị Nguyễn Thị B đi chợ mua một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình còn Nguyễn Văn C tháo rời các bộ phận của xe mô tô; phần khung xe cất giấu tại bãi mía trồng sau nhà, còn các bộ phận khác của xe mô tô cho vào bao tải rồi đem cất giấu trong buồng ngủ; thả 03 con gà vào chuồng gà; để con dao sử dụng chặt cành cây ở cạnh bể nước; cất giấu tiền trong túi quần treo trước hiên nhà rồi đi tắm và thay quần áo.

Về phía gia đình chị Nguyễn Thị L, sau khi liên lạc nhiều lần với chị Nguyễn Thị L không được nên đã nhờ lực lượng Công an xã cùng tham gia tìm kiếm và phát hiện xác của chị Nguyễn Thị L trong khe núi H.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra thu thập chứng cứ như khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra, khám nghiệm tử thi....; kết quả khám xét chỗ ở của Nguyễn Văn C đã phát hiện và tạm giữ tài sản của chị Nguyễn Thị L.

Sau khi Nguyễn Văn C bị Cơ quan điều tra bắt giữ, chị Nguyễn Thị B kiểm tra và phát hiện 01 túi nilon bên trong có tiền được để trong túi quần của Nguyễn Văn C treo trước hiên nhà nên đã đem chôn ở khu vực vườn sau nhà; đến ngày 29-11-2021 chị Nguyễn Thị B giao nộp toàn bộ số tiền là 4.218.000 đồng cho Cơ quan điều tra.

Biên bản khám nghiệm tử thi thể hiện: Vùng đầu, ngực, bụng không có dấu vết tổn thương; vùng mặt má trái có vết xước; vùng cổ có mảng trầy xước và hằn xung huyết từ hạ cằm xuống đến vùng trước cổ, sang hai bên cổ trái và cổ phải; vùng lưng có mảng trầy xước từ bả vai phải sang bả vai trái xuống đến vùng chậu hông trái...Kết luận giám định Pháp y về tử thi số 102/2021/TT ngày 10-12-2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh Lạng Sơn xác định nguyên nhân chết của Nguyễn Thị L là do ngạt cơ học và thời gian chết trong vòng 48 giờ.

Cơ quan điều tra đã thu giữ và yêu cầu giám định các mẫu dấu vết sinh học thu giữ tại vùng cổ, đầu ngón tay phải, đầu ngón tay trái của tử thi Nguyễn Thị L (ký hiệu A1, A2, A3) để so sánh với mẫu tóc và mẫu máu của Nguyễn Văn C. Tại Bản kết luận giám định số 8904/C09-TT3 ngày 31-12-2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: “Trên các mẫu ký hiệu A1, A2 và A3 gửi giám

định đều có bầm dính ADN người, không xác định được kiểu gen do lượng ADN ít, chất lượng kém”.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 125/KL-HĐĐGTS ngày 13-01-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự tỉnh Lạng Sơn xác định: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại SUPERD, biển kiểm soát 12H1-033.88 có giá trị là 5.500.000 đồng; 01 (một) con gà trống có trọng lượng 2,6kg có giá trị là 338.000 đồng; 02 (hai) con gà mái có tổng trọng lượng 3,2kg có giá trị là 448.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bằng hiện vật là 6.286.000 đồng.

Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể bị cáo vào ngày 22-11-2021 thể hiện: Vùng má phải, mu bàn tay phải tại khe liên ngón 1-2, đốt I ngón 2 và đốt I ngón 3 bàn tay trái có vết xây xước.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Cáo trạng số 40/CT-VKSLS-P2 ngày 05-4-2022 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội Giết người theo điểm e, n, p khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội Cướp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Văn C thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân như nội dung Cáo trạng truy tố và đồng ý bồi thường theo yêu cầu mà đại diện hợp pháp của bị hại đưa ra. Bị cáo có lời xin lỗi gia đình bị hại, xin Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt cao nhất.

Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp cho bị hại trình bày: Sau khi sự việc xảy ra, gia đình bị cáo chưa đến thăm hỏi, bồi thường cho gia đình bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt cao nhất là tử hình và buộc bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại toàn bộ thiệt hại gồm tiền bồi thường tổn thất về tinh thần, tiền mai táng phí, trị giá tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt và làm hư hỏng; với tổng số tiền là 248.918.000 (hai trăm bốn mươi tám triệu chín trăm mười tám nghìn) đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Nguyễn Thị B trình bày: Trưa ngày 22-11-2021 chị đi chợ về thì thấy Công an đến yêu cầu Nguyễn Văn C đến trụ sở để làm việc; trước khi đi chồng chị nói có tiền để trong túi quần treo trước hiên nhà. Sau khi kiểm tra túi quần của chồng thấy có tiền, chị không đếm mà mang đi giấu ở vườn sau nhà. Khi biết đó là tiền do chồng chị phạm tội mà có, chị đã mang nộp tại Cơ quan Công an.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố; do đó có đủ căn cứ kết luận ngày 22-11-2021 bị cáo đã thực hiện hành vi giết chị Nguyễn Thị L rồi Cướp tài sản của chị Nguyễn Thị L. Bị cáo chưa được xóa án tích đối với Bản án số 38/HS-ST ngày 28-8-1999 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm,

không thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 40; Điều 50; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015; tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội Giết người và tội Cướp tài sản; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C tử hình về tội Giết người và tù 05 năm tù đến 06 năm tù về tội Cướp tài sản; buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là tử hình.

Về phần bồi thường dân sự: Đề nghị công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại về việc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho gia đình bị hại với tổng số tiền là 248.918.000 (hai trăm bốn mươi tám triệu chín trăm mười tám nghìn) đồng.

Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; đề nghị trả lại cho đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 4.218.000 đồng mà chị Nguyễn Thị B giao nộp; tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng còn lại do không còn giá trị sử dụng. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Luật sư Bế Quang H, người bào chữa cho bị cáo đồng tình với quan điểm truy tố và điều luật mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến tính mạng và tài sản của chị Nguyễn Thị L, rất đáng lên án. Tuy nhiên, nguyên nhân xảy ra sự việc là do bị hại nghi ngờ bị cáo trộm cắp được gà không bán cho bị hại và đe dọa báo Công an nên hai bên mới xảy ra cãi vã, xô sát; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo. Vì vậy, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo có quyền được sống; đề nghị xử phạt bị cáo mức tù chung thân cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo và đảm bảo công tác phòng chống tội phạm. Về trách nhiệm dân sự, nhất trí với đề nghị của Viện Kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm của bản thân, bị cáo xin lỗi gia đình bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt tử hình để răn đe cho những người khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đây là phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Công K và ông Vũ Văn T nhưng

đều đã có người đại diện theo ủy quyền là chị Vũ Thị Phương T tham gia phiên tòa; người làm chứng là chị Âu Thị S vắng mặt nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Vì vậy, việc vắng mặt của những người nói trên không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với Bản kết luận giám định pháp y, Biên bản truy tìm vật chứng, Biên bản thu giữ vật chứng và các dấu vết trên thân thể của bị hại cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Khoảng 07 giờ ngày 22-11-2021, tại ngã ba đường liên thôn gần núi H, Thôn B, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; bị cáo Nguyễn Văn C đã dùng tay siết cổ chị Nguyễn Thị L, làm chị Nguyễn Thị L tử vong rồi lục lọi, tìm kiếm và đã lấy của chị Nguyễn Thị L 4.218.000 đồng tiền mặt, 03 con gà và 01 xe mô tô. Vì vậy, hành vi mà bị cáo Nguyễn Văn C đã phạm vào tội Giết người và tội Cướp tài sản.

[4] Xét thấy, chỉ vì mâu thuẫn bột phát, bị cáo đã bóp cổ làm nạn nhân nghẹt thở đến chết và lấy một số tài sản của bị hại như tiền, gà, xe mô tô; tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt là 10.504.000 đồng; sau đó bị cáo giấu xác nạn nhân nhằm tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Giết người với 02 tình tiết tăng nặng định khung là giết người mà ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng và phạm tội có tính chất côn đồ theo quy định tại điểm e, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội Cướp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến tính mạng, quyền sở hữu tài sản của người khác. Bản thân bị cáo là người có đủ khả năng và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo đã cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của bị cáo cần phải được xét xử nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Để có căn cứ quyết định mức hình phạt, ngoài việc xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử sẽ đánh giá nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình; bị cáo có bố là ông Nguyễn Văn C1 được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Năm 1999, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn áp dụng khoản 1 Điều 151 của Bộ luật Hình sự năm 1985, sửa đổi, bổ sung năm 1997 xử phạt bị cáo 42 tháng tù về tội Cướp tài sản của công dân. Tội Cướp tài sản công dân theo quy định tại khoản 1 Điều 151 có khung hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm; đối chiếu với quy định tại khoản 2

Điều 8 của Bộ luật Hình sự năm 1985 đã được sửa đổi bổ sung và điểm b khoản 1 Điều 9, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 2015, thấy rằng: Hành vi Cướp tài sản công dân theo quy định của khoản 1 Điều 151 của Bộ luật Hình sự năm 1985 đã được sửa đổi bổ sung thuộc tội phạm nghiêm trọng, đến nay bị cáo chưa thi hành khoản tiền án phí hình sự, án phí dân sự và bồi thường dân sự theo quyết định Bản án số 38/HS-ST ngày 28-8-1999 nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[8] Về nhân thân: Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, ngày 03-4-1999 bị cáo nảy sinh ý định vào nhà chị Lê Thị L để trộm cắp tài sản nhưng khi bị phát hiện, bị cáo đã dí lưỡi cưa vào cổ bị hại để khống chế và chiếm đoạt tài sản rồi hành hung để tẩu thoát. Bản án số 38/HS-ST ngày 28-8-1999 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo 42 tháng tù về tội Cướp tài sản của công dân. Trong thời gian chấp hành hình phạt, bị cáo đã nhiều lần trốn khỏi nơi giam và bị Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử tại Bản án số 08/HS-ST ngày 14-8-2002. Điều này thể hiện bị cáo là người có nhân thân rất xấu, coi thường pháp luật.

[9] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn thay đổi nội dung truy tố; cụ thể: Không truy tố bị cáo về tội Giết người với tình tiết tăng nặng định khung tái phạm nguy hiểm theo điểm p khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015; đề nghị áp dụng điểm e, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo là có căn cứ.

[10] Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện tính côn đồ, mất nhân tính, coi thường tính mạng, tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Mặt khác, bị cáo là người có nhân thân rất xấu, có nhiều tình tiết tăng nặng định khung và có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy, để phòng ngừa tái phạm tội mới một cách triệt để từ người phạm tội và đạt hiệu quả cao nhất trong phòng chống tội phạm; Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng mức án cao nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

[11] Về bồi thường dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận, thống nhất được việc bồi thường dân sự; cụ thể: Bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho gia đình bị hại các khoản tiền bồi thường tổn thất về tinh thần, tiền mai táng phí và thiệt hại về tài sản; với tổng số tiền là 248.918.000 (hai trăm bốn mươi tám triệu chín trăm mười tám nghìn) đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận nói trên là tự nguyện, phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Do chị Nguyễn Thị B đã giao nộp tại Cơ quan điều tra 4.128.000 đồng, vì vậy buộc bị cáo tiếp tục phải bồi thường cho những người đại diện hợp pháp của bị hại 244.700.000 (hai trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm nghìn) đồng.

[13] Về vật chứng đã chuyển Cơ quan Thi hành án: Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động do không liên quan đến việc phạm tội. Đối với số tiền 4.218.000 đồng mà chị Nguyễn Thị B đã nộp tại Cơ quan điều tra là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần trả lại cho những người đại diện hợp pháp của bị hại. Đối với các vật chứng còn lại gồm đoạn cây, bao tải, đôi giày, balo, áo len, áo thun, quần dài, con dao là vật không có giá trị cần tịch thu, tiêu hủy.

[14] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, ý kiến của người bào chữa cho bị cáo, ý kiến nào có căn cứ, phù hợp với nhận định, đánh giá của Hội đồng xét xử thì được chấp nhận; ý kiến nào không có căn cứ, không phù hợp với nhận định, đánh giá của Hội đồng xét xử thì không được chấp nhận.

[15] Về án phí: Do bị cáo bị kết án và phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường nên bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm e, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 40; Điều 50; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, c, f khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 26; điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội Giết người và tội Cướp tài sản.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C tử hình về tội Giết người và 04 (bốn) năm tù về tội Cướp tài sản. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại, cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Văn C phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về tính mạng, tài sản cho những người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Công K, bà Lê Thị M, ông Vũ Văn T, anh Vũ Mạnh T, chị Vũ Thị Phương T; do chị Vũ Thị Phương T đại diện; tổng số tiền mà bị cáo Nguyễn Văn C phải bồi thường là 248.918.000 đồng, được trừ đi 4.128.000 đồng mà chị Nguyễn Thị B đã nộp tại Cơ quan điều tra; buộc bị cáo tiếp tục phải bồi thường 244.700.000 (hai trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về xử lý vật chứng

4.1. Trả lại bị cáo Nguyễn Văn C:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, cũ đã qua sử dụng, số IMEI: 357342088632083.

4.2. Tịch thu, tiêu hủy:

- Các đoạn cây có vết chặt xung quanh vị trí phát hiện tử thi.
- 02 (hai) bao tải màu cam đỏ, cũ đã qua sử dụng.
- 01 (một) bao tải màu cam, cũ đã qua sử dụng.
- 01 (một) đôi giày màu xanh, bám dính nhiều đất nâu, cũ đã qua sử dụng.
- 01 (một) ba lô màu xanh rằn ri, bên trong có 04 (bốn) dụng cụ bằng sắt và có một số lông gia cầm, cũ đã qua sử dụng.
- 01 (một) áo thun cộc tay màu đỏ, tay áo có viền xanh trắng, cũ đã qua sử dụng.
- 01 (một) áo len dài tay cổ lọ màu xám, cũ đã qua sử dụng.
- 01 (một) quần dài màu xanh lá cây, cũ đã qua sử dụng.
- 01 (một) con dao bằng kim loại màu đen, cũ đã qua sử dụng, chiều dài 40,6cm, phần rộng nhất của lưỡi dao dài 4,9cm.
- 01 (một) túi bóng.

4.3. Trả lại cho những người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị L là ông Nguyễn Công K, bà Lê Thị M, ông Vũ Văn T, anh Vũ Mạnh T, chị Vũ Thị Phương T; do chị Vũ Thị Phương T đại diện, số tiền 4.218.000VNĐ (Bốn triệu hai trăm mười tám nghìn đồng), gồm 04 (bốn) tờ tiền có mệnh giá 500.000 VNĐ (năm trăm nghìn đồng); 17 (Mười bảy) tờ tiền có mệnh giá 100.000VNĐ (một trăm nghìn đồng); 44 (bốn mươi bốn) tờ tiền có mệnh giá 10.000VNĐ

(mười nghìn đồng); 13 (mười ba) tờ tiền có mệnh giá 5.000VND (măm nghìn đồng); 05 (Năm) tờ tiền có mệnh giá 2.000VND (Hai nghìn đồng); 03 (ba) tờ tiền có giá 1.000VND (Một nghìn đồng); đựng trong 01 (một) phong bì niêm phong có chữ ký cùng tên của Vy Thành S, Nguyễn Xuân Đ, Hoàng Ngọc A, Triệu Tiến D, Âu Thị S, Nguyễn Thị B.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 12 tháng 4 năm 2022).

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 12.235.000 đồng tiền án phí dân sự có giá ngạch, sung ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho bị cáo Nguyễn Văn C được biết, nếu bị cáo không kháng cáo thì bị cáo có quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước xin ân giảm án tử hình trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày hết hạn kháng cáo.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PV 06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, THS, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Thùy